

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 33/2023/DS-GĐT

Ngày 19-9-2023

V/v “Tranh chấp di sản thừa kế”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tào**;

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Cường** và ông **Lê Tự**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lưu Thị Hương** - Thẩm Tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Trần Việt Tuấn** - Kiểm sát viên.

Ngày 19-9-2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án “Tranh chấp di sản thừa kế”, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Ông **Trần Văn N**, sinh năm 1948; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

2. Bị đơn:

2.1. Ông **Trần Thanh L**, sinh năm 1944; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh **Trần Văn L1**, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố T, phường Q, thị xã B tỉnh Quảng Bình.

2.2. Ông **Trần Tấn Đ**, sinh năm 1959; địa chỉ cư trú: Số 97B/16 T, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.3. Ông **Trần Tấn H**, sinh năm 1954; địa chỉ cư trú: Số 12 H, phường Đ, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.4. Ông **Trần Tấn D**, sinh năm 1955; địa chỉ cư trú: Số 135 Đ, phường K, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp của ông L, ông Đ, ông H và ông D:

Luật sư **Cổ H1** - Công ty Luật hợp doanh M, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ủy ban nhân dân phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Thành C** - Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Q.

4. Người làm chứng:

4.1. Ông Trần Văn Th sinh năm 1951; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

4.2. Ông Trần Văn Định, sinh năm 1956; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

4.3. Ông Trần Xuân Giao, sinh năm 1949; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

4.4. Ông Nguyễn Tiến Phúc, sinh năm 1962; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

4.5. Ông Nguyễn Ngọc Diễm, sinh năm 1956; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

4.6. Bà Trần Thị Thu Sương, sinh năm 1951; địa chỉ cư trú: Số 135 Đ, phường K, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

4.7. Cụ Ma Thị S, sinh năm 1925; địa chỉ cư trú: Số 135 Đ, phường K, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ghi ngày 15-10-2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Trần Văn N trình bày:

Bố ông là cụ Trần Văn C sinh năm 1918, chết năm 2006 và mẹ ông là cụ Trần Thị S (tức Trần Thị S) sinh năm 1928, chết năm 2015. Hai cụ không có con chung, con riêng, nên đã nhận ông làm con nuôi từ tháng 02-1952. Năm 1993, Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã Q, huyện Tr (nay là phường Q, thị xã B), tỉnh Quảng Bình cấp Giấy chứng nhận con nuôi số 01/GCN-UK ngày 15-7-1993. Năm 2015, giấy chứng nhận con nuôi bị thất lạc, nên nguyên đơn được UBND phường Quảng Thuận cấp lại Giấy chứng nhận con nuôi, vào sổ đăng ký con nuôi ngày 02-01-2015.

Quá trình chung sống, bố mẹ ông tạo lập được khối tài sản chung là thửa đất số 01, tờ bản đồ số 08, diện tích 1.450 m² tại xã Q, huyện Tr (nay là phường Q, thị xã B), tỉnh Quảng Bình, được UBND huyện Tr cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 998149 ngày 12-12-1992 mang tên Trần Văn C. Trên đất có nhà ở cấp 4, do ông xây dựng cho bố mẹ ông ở (có xác nhận của bố mẹ).

Ngày 20-10-2004, bố mẹ ông lập văn bản giao cho ông toàn bộ thửa đất và tài sản trên đất, ông được toàn quyền quyết định các tài sản này (văn bản do bố mẹ ông ký và có chứng thực của UBND xã Q). Sau khi bố ông chết, ông vẫn ở chung với mẹ, các giấy tờ nhà đất ông vẫn giao cho mẹ giữ. Khi mẹ ông lâm bệnh năm 2014, ông mới biết Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bố ông bị thất lạc, nên ông đã trình báo mất Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến Công an, UBND phường Q và tiến hành làm thủ tục sang tên thửa đất thì các ông Trần Tấn Đ, Trần Tấn H, Trần Tấn D và Trần Thanh L (là cháu của bố mẹ ông) tranh chấp với ông và xuất trình bản di chúc của mẹ ông lập năm 2009 về việc để lại toàn bộ di sản thừa kế cho các bị đơn và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bố ông.

Ông thấy rằng, việc bị đơn xuất trình Di chúc của mẹ ông lập năm 2009 là không đúng, vì ông sống với bố mẹ ông từ năm 1952 cho đến nay và là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, lo hậu sự, xây lăng mộ và thờ cúng bố mẹ; ông cũng chưa từng nghe mẹ ông thông báo việc để lại di chúc cho người khác. Vì vậy, ông đề nghị Tòa án giải quyết chia thừa kế theo pháp luật, xác định ông là người duy nhất thừa kế di sản do bố mẹ ông để lại và tuyên bố Di chúc lập năm 2009 không hợp pháp.

Bị đơn là ông Trần Tấn D, ông Trần Tấn H, ông Trần Tấn Đ và ông Trần Thanh L đều thống nhất trình bày:

Thửa đất số 01 tờ bản đồ số 08 xã Q, huyện Tr (nay là phường Q, thị xã B), tỉnh Quảng Bình, có diện tích 1.450 m², được UBND huyện Tr cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B998149, vào sổ số 02302QSDD/1502-QĐ/UB-QT ngày 12-12-1992 mang tên Trần Văn C và tài sản trên đất đều do tổ tiên để lại, xây dựng nên. Di chúc cụ Trần Thị S lập năm 2009 và được UBND xã Q chứng thực ngày 12-10-2009, do ông Nguyễn Tiến Ph - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã ký và được vào sổ 01/quyền số 01/2009 TP/CC-SCC/HĐGD là hợp pháp. Tài sản để lại trong di chúc là toàn bộ đất đai và tài sản trên đất. Thửa đất trên để làm từ đường, hương hỏa cho con cháu sau này để ghi nhớ nguồn cội của tổ tiên. Ông Trần Văn N không có quan hệ ruột thịt nên các bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2022/DS ST ngày 22-7-2022, Tòa án nhân dân thị xã B quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “Tranh chấp về thừa kế tài sản” của nguyên đơn là ông Trần Văn N đối với bị đơn là các ông Trần Thanh L, Trần Tấn Đ, Trần Tấn H và Trần Tấn D.

- Xác định hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của cụ Trần Văn C và cụ Trần Thị S là con nuôi, ông Trần Văn N.

- Xác định di sản thừa kế của cụ Trần Văn C, cụ Trần Thị S để lại để chia di sản thừa kế theo pháp luật là thửa đất số 01 tờ bản đồ số 08 xã Q, huyện Tr (nay là phường Q, thị xã B), tỉnh Quảng Bình, có diện tích 1.450 m² do Ủy ban nhân dân huyện Tr, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 12-12-1992 cho cụ Trần Văn C và tài sản trên đất.

- Tuyên bố Di chúc của cụ Trần Thị S lập ngày 12-10-2009 cho các ông Trần Tấn Đ, ông Trần Tấn H, ông Trần Tấn D và ông Trần Thanh L không hợp pháp và bị vô hiệu.

- Di sản thừa kế của cụ Trần Văn C, cụ Trần Thị S để lại được phân chia theo pháp luật; giao cho nguyên đơn là ông Trần Văn N được quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất là thửa đất số 01 tờ bản đồ số 08 xã Q, huyện Tr (nay là phường Q, thị xã B), tỉnh Quảng Bình, có diện tích 1.450 m², do Ủy ban nhân dân huyện Tr cấp ngày 12-12-1992 cho cụ Trần Văn C và sở hữu tài sản có trên đất (ranh giới theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 27-4-2021 và sơ đồ bản vẽ hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

- Tạm giao cho ông Trần Văn N được quyền sử dụng phần diện tích đất 990,8 m² (đây là phần diện tích đất thực tế mà trước đây cụ C, cụ S sử dụng và hiện nay không có tranh chấp) liền kề với thửa đất số 01 tờ bản đồ số 08 xã Q, huyện Tr (nay là phường Q, thị xã B), tỉnh Quảng Bình, có diện tích 1.450 m², do Ủy ban nhân dân huyện Tr cấp ngày 12-12-1992 cho cụ Trần Văn C. Ông Trần Văn N có trách nhiệm liên hệ với cơ quan chức năng để xin đăng ký biến động.

- Buộc ông Trần Tấn H trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B998149, số vào sổ 02302QSDD/1502-QĐ/UB-QT ngày 12-12-1992, do Ủy ban nhân dân huyện Tr, tỉnh Quảng Bình cấp cho cụ Trần Văn C để ông Trần Văn N quản lý theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, các chi phí tố tụng và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 22-7-2022, đồng bị đơn là các ông Trần Tấn H, Trần Tấn D, Trần Tấn Đ và Trần Thanh L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 58/2022/DS-PT ngày 27-9-2022, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình quyết định:

1. Không chấp nhận kháng cáo của các ông Trần Thanh L, Trần Tấn Đ, Trần Tấn và Trần Tấn D.

2. Chấp nhận Đơn khởi kiện của ông Trần Văn N về “Tranh chấp di sản thừa kế” của cụ Trần Văn C và cụ Trần Thị S đối các ông Trần Thanh L, Trần Tấn Đ, Trần Tấn H và Trần Tấn D đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2022/DS ST ngày 22-7-2022 của Tòa án nhân dân thị xã B.

3. Di chúc cụ Trần Thị S lập ngày 12-10-2009 để lại cho các ông Trần Thanh L, Trần Tấn Đ, Trần Tấn H và Trần Tấn D là các di sản thừa kế gồm: 1.450 m² đất tại thửa đất số 01, tờ bản đồ số 8 xã Q, huyện Tr (nay là phường Q, thị xã B), tỉnh Quảng Bình đã được Ủy ban nhân dân huyện Tr (nay là thị xã B), tỉnh Quảng Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 998149 ngày 12-12-1992 mang tên cụ Trần Văn C và 01 nhà cấp 4 là không hợp pháp, không có hiệu lực thi hành.

4. Ông Trần Văn N được hưởng di sản thừa kế của cụ Trần Văn C, cụ Trần Thị S, gồm: 1.450 m² đất (200 m² đất ở, 100 m² đất kinh tế gia đình và 1.150 m² đất vườn) tại thửa đất số 01, tờ bản đồ số 8 xã Q, huyện Tr (nay là phường Q, thị xã B), tỉnh Quảng Bình đã được Ủy ban nhân dân huyện Tr (nay là thị xã B), tỉnh Quảng Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 998149 ngày 12-12-1992 mang tên cụ Trần Văn C; 01 nhà cấp 4 và toàn bộ tài sản trên đất.

5. Ông Trần Văn N có nghĩa vụ đến cơ quan quản lý đất đai có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất và biến động tăng 990,8 m² tại thửa đất số 01, tờ bản đồ

số 8 xã Q, huyện Tr (nay là phường Q, thị xã B), tỉnh Quảng Bình theo đúng quy định.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí.

Ngày 05-4-2023, bị đơn là ông Trần Tấn D có đơn đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 11/2023/KN-DS ngày 25-7-2023, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm hủy toàn bộ bản án phúc thẩm nêu trên và Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2022/TCDS-ST ngày 22-7-2022 của Tòa án nhân dân thị xã B; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã B để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm, đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm không chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Tại hồ sơ vụ án thể hiện có 02 Giấy chứng nhận nuôi con nuôi: (1) Giấy chứng nhận nuôi con nuôi số 01/GCN-UB ngày 15-7-1993 (bản sao không có công chứng, chứng thực), nội dung chứng nhận cụ Trần Văn C và cụ Trần Thị S nhận ông Trần Văn N là con nuôi từ tháng 02-1952 (bút lục số 04) và (2) Giấy chứng nhận nuôi con nuôi số 01/2015, quyền số 01/2015 ngày 02-01-2015, nội dung: Cấp lại giấy chứng nhận nuôi con nuôi (giữa cha mẹ nuôi là cụ Trần Văn C, cụ Trần Thị S với con nuôi là ông Trần Văn N) lưu tại UBND phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình (bút lục số 12).

[2]. Tại Văn bản số 333/UBND ngày 19-3-2022, UBND phường Q xác nhận: “... Hồ sơ sổ hộ tịch nhận nuôi con nuôi, hồ sơ liên quan đến cấp giấy chứng nhận nuôi con nuôi không có lưu trữ tại UBND phường (sổ hộ tịch, hồ sơ nhận nuôi con nuôi từ năm 2000 trở về trước không có hồ sơ lưu trữ tại phường)” (bút lục số 71). Như vậy, hồ sơ liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận nuôi con nuôi giữa cụ Trần Văn C, cụ Trần Thị S với ông Trần Văn N vào năm 1993 không được lưu trữ tại UBND phường Q, do đó việc Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án phúc thẩm nhận định “Giấy chứng nhận nuôi con nuôi cấp năm 1993 (bản sao không có công chứng, chứng thực) giữa cụ Trần Văn C, cụ Trần Thị S với ông Trần Văn N hợp pháp” là chưa đủ cơ sở.

[3]. Giấy chứng nhận nuôi con nuôi số 01/2015, quyền số 01/2015 ngày 02-01-2015 thực C là cấp lại Giấy chứng nhận nuôi con nuôi được cấp vào năm 1993, mà nguyên đơn cho rằng đã bị thất lạc. Trong khi đó, sổ hộ tịch nhận nuôi con nuôi, hồ sơ liên quan đến cấp giấy chứng nhận nuôi con nuôi giữa cụ Trần Văn C, cụ Trần Thị S với ông Trần Văn N không có lưu trữ tại UBND phường. Việc UBND phường Q cấp lại Giấy chứng nhận nuôi con nuôi cho ông Trần Văn N vào năm 2015 chỉ dựa vào Giấy chứng nhận nuôi con nuôi được cấp vào năm 1993 (bản sao không có công chứng, chứng thực) và xác nhận của một số người cao tuổi tại tổ dân phố T là không có căn cứ.

[4]. Mặt khác, thời điểm cấp lại Giấy chứng nhận nuôi con nuôi cho ông Trần Văn N (năm 2015) thì cụ Trần Văn C đã chết. Tại khoản 1 Điều 29 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21-3-2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi thì: *“Việc nuôi con nuôi đã được đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam, nhưng cả Sổ hộ tịch và bản chính giấy tờ đăng ký nuôi con nuôi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được, thì được đăng ký lại, nếu cả cha, mẹ nuôi và con nuôi đều còn sống vào thời điểm yêu cầu đăng ký lại”*. Căn cứ vào quy định này, thì việc UBND phường Q cấp lại giấy chứng nhận nuôi con nuôi cho ông Trần Văn N vào năm 2015 là không đúng quy định của pháp luật.

[5]. Căn cứ vào các chứng cứ nêu trên, xét thấy chưa đủ cơ sở để xác định các giấy chứng nhận nuôi con nuôi là hợp pháp; do đó, cũng chưa đủ cơ sở để xác định ông Trần Văn N là người thừa kế toàn bộ di sản của cụ Trần Văn C và cụ Trần Thị S để lại. Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm xác định ông Trần Văn N là con nuôi hợp pháp của cụ C và cụ S, từ đó xác định ông N là người thừa kế toàn bộ di sản của cụ C và cụ S để lại là chưa đủ căn cứ vững chắc.

[6]. Thửa đất số 01, tờ bản đồ số 08 xã Q có diện tích được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 1.450 m². Tuy nhiên, kết quả đo đạc thực tế là 2.440,8 m², tăng 990,8 m² so với diện tích được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tòa án cấp sơ thẩm tạm giao cho nguyên đơn được quyền sử dụng diện tích tăng lên là không đúng quy định của pháp luật. đồng thời, tại đơn khởi kiện, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn tuyên *“Buộc ông Trần Tấn H trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02302 QSDĐ/1502-QĐ/UB-QT, do UBND huyện Tr tỉnh Quảng Bình cấp cho ông Trần Văn C ngày 12-12-1992 để ông Trần Văn N quản lý theo quy định của pháp luật”* là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu được quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Ngoài ra khi bị đơn ông Trần Tấn D đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án phúc thẩm nêu trên thì có cung cấp 01 Bản khai nhân khẩu ngày 28/08/1972; 01 Phiếu đăng viên của Trần Văn C ngày 23/10/2003; 01 Bản khai xin hưởng chế độ gia đình có công cách mạng ngày 15/11/1992 của cụ Trần Thị S (đều là bản phô tô). Các bản khai này do cụ C và cụ S khai, tuy nhiên trong đó đều không thể hiện cụ C, cụ S có con nuôi là ông Trần Văn N. Vì vậy, khi giải quyết lại cần thu thập bản gốc hoặc bản sao có công chứng, chứng thực của các tài liệu trên, nhằm đánh giá các nội dung tranh chấp trong vụ án được khách quan và toàn diện.

Từ phân tích trên, xét thấy kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng là có cơ sở để chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 337, Điều 343, Điều 345, Điều 348, Điều 349 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 11/2023/KN-DS ngày 25-7-2023 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

2. Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 58/2022/DS-PT ngày 27-9-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình và Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2022/TCDS-ST ngày 22-7-2022 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình về vụ án “*Tranh chấp di sản thừa kế*” giữa nguyên đơn là ông Trần Văn N với bị đơn là ông Trần Thanh L, ông Trần Tấn Đ, ông Trần Tấn H, ông Trần Tấn D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm, đúng quy định của pháp luật.

4. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND thị xã B, tỉnh Quảng Bình
(02 bản, kèm hồ sơ vụ án);
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình;
- TANDTC - Vụ II;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- Chi cục THADS thị xã B, tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng HCTP, GDKT II , LTHS.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tào